

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 29/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Chiêu;
2. Ông Trần Văn Phước.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử công khai vụ án thụ lý số 358/2020/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 41/TB-TA ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp Bình Hồ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Anh Vạn Thanh D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Bình Hồ, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

(Chị L, anh D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Lê Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng nhau nên giữa chị L và anh D đã sống ly thân từ đầu năm 2020. Do nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vạn Thanh D.

- Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cháu Hoàng A, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đối với bị đơn anh Vạn Thanh D thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung; tài sản chung anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

-Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân giữa hai người là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Lê Thị L và anh Vạn Thanh D là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng A cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

+ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vạn Thanh D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện sống chung từ năm 2006 và không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đến khoảng đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ thời điểm trên cho đến nay.

- Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Xét thấy: Chị Lê Thị L và anh Vạn Thanh D có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa chị L, anh D là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14

và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận chị L và anh D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh D và chị L đều thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa hai người có 01 người con chung là cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 18/7/2008. Theo Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình quy định “ *Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con.*” Và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Anh D và chị L đều thống nhất giao cháu Hoàng A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng được sống với mẹ của cháu Hoàng A. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị L.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

[5] về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng, chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Không công nhận chị Lê Thị L và anh Vạn Thanh D là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 18/7/2008 cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Không đặt ra xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009847 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Chiêu

Trần Văn Phước

Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Chiêu

Trần Văn Phước

Triệu Thanh Liêm

